|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LONG BIÊN**  **TỔ XÃ HỘI**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **MÃ ĐỀ: 102** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **NĂM HỌC 2021 – 2022**  **MÔN: ĐỊA LÍ 9**  **TIẾT: 18**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  *Ngày kiểm tra: 4/11/2021* |

***Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án của các câu hỏi dưới đây:***

**Câu 1: Hoạt động dịch vụ của nước ta** không **có đặc điểm nào sau đây?**

**A.** Phát triển khá nhanh, có khả năng vươn lên tầm quốc tế và khu vực

**B.** Có khả năng thu lợi nhuận và thu hút đầu tư nước ngoài cao

**C.** Chiếm tỉ trọng không đáng kể trong cơ cấu

**D.** Phát triển theo xu thế đa dạng hóa các loại hình dịch vụ

**Câu 2: Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt: tỉ trọng cây công nghiệp tăng, tỉ trọng cây lương thực giảm. Điều này thể hiện điều gì?**

**A.** Phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới

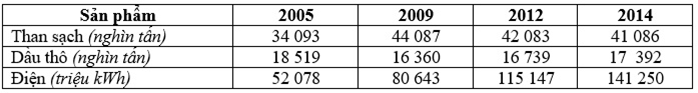
**B.** Ngành trồng trọt của nước ta không còn phát triển

**C.** Cây lương thực không có vai trò quan trọng như trước

**D.** Giá trị sản xuất của ngành trồng trọt sẽ ngày càng giảm

**Câu 3: Cho bảng số liệu:**

Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2005 – 2014.



**Nhận xét nào dưới đây là đúng?**

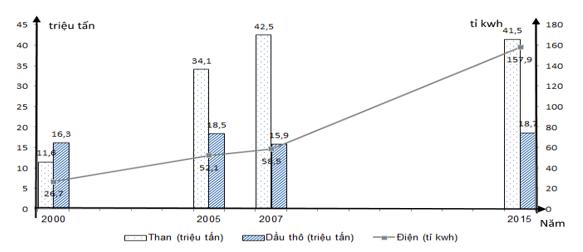
**A.** Sản lượng than sạch tăng liên tục

**B.** Sản lượng điện tăng nhanh và liên tục

**C.** Than sạch có sản lượng tăng nhanh nhất

**D.** Giai đoạn 2005 – 2014, sản lượng dầu thô tăng

**Câu 4:**  **Cho biểu đồ tình hình phát triển của ngành công nghiệp năng lượng nước ta qua một số năm :**



**Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?**

**A.** Cơ cấu sản lượng ngành công nghiệp năng lượng nước ta, giai đoạn 2000 – 2015.

**B.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện nước ta, giai đoạn 2000 – 2015.

**C.** Sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta, giai đoạn 2000 – 2015.

**D.** Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp năng lượng nước ta, giai đoạn 2000 – 2015.

**Câu 5: Đâu** không **phải đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm nước ta?**

**A.** Phát triển dựa trên những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động

**B.** Đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực

**C.** Chiếm tỉ trọng thấp trong giá trị sản lượng công nghiệp

**D.** Thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**Câu 6: Sự phân bố của ngành dịch vụ phụ thuộc chặt chẽ vào**

**A.** lao động trình độ cao **B.** tài nguyên thiên nhiên

**C.** phân bố dân cư **D.** đường lối chính sách

**Câu 7: Các dân tộc ít người có số dân trên một triệu người ở nước ta, gồm:**

**A.** Tày, Thái, Mường, Khơ-me

**B.** Dao, Cơ-ho, Sán Dìu, Hrê

**C.** Chăm, Hoa, Nùng, Mông

**D.** Ê-đê, Ba -na, Gia- rai, Bru Vân Kiều

**Câu 8: Dân số nước ta năm 2019 khoảng**

**A.** 97 triệu người **B.** 94 Triệu người

**C.** 96 triệu người **D.** 95 triệu người

**Câu 9: Vai trò quan trọng nhất của rừng phòng hộ là**

**A**. cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến.

**B**. đem lại mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

**C**. hạn chế thiên tai, lũ lụt, chắn cát, chắn sóng ven biển.

**D.** tạo việc làm, đem lại thu nhập cho người dân

**Câu 10: Dich vụ** không **phải là ngành**

**A.** trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội

**B.** gồm dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ công cộng

**C.** đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người

**D.** nền kinh tế càng đa dạng dịch vụ càng phát triển

**Câu 11: Ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta?**

**A.** Công nghiệp dệt may

**B.** Công nghiệp điện

**C.** Công nghiệp khai thác nhiên liệu

**D.** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

**Câu 12: Duyên Hải Nam Trung bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc**

**A.** Ba-na, Cơ –ho **B.** Chăm , Khơ-me

**C.** Vân Kiều, Thái **D.** Ê –đê, Mường

**Câu 13: Để phát triển công nghiệp hóa, ngành công nghiệp nào sau đây cần đi trước một bước so với các ngành khác?**

**A.** Công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm **B.** Công nghiệp điện tử

**C.** Công nghiệp năng lượng **D.** Công nghiệp hóa chất

**Câu 14: Trung du niền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc**

**A.** Dao, Nùng, Chăm, Hoa **B.** Tày, Nùng, Dao, Thái, Mông

**C.** Tày, Nùng,Gia-rai, Mơ nông **D.** Tày, Nùng, Ê –Đê, Ba -Na

**Câu 15: Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất của nước ta là**

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ

**B.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng

**D.** Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

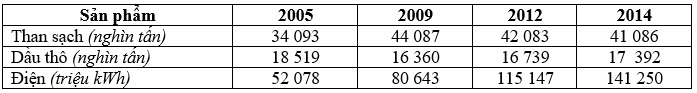
**Câu 16: Khó khăn nào của thị trường ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp nước ta?**

**A.** Thị trường ngày càng được mở rộng **B.** Sự bất ổn của thị trường xuất khẩu

**C.** Nhu cầu về nông sản ngày càng tăng **D.** Mở rộng buôn bán với nhiều nước

**Câu 17: Cho bảng số liệu:**

Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2005 – 2014.



**Để thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2014, biểu đồ thích hợp nhất là**

**A.** biểu đồ kết hợp cột và đường **B.** biểu đồ cột

**C.** biểu đồ đường **D.** biểu đồ miền

**Câu 18: Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng**

**A.** giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ

**B.** giảm tỷ trọng trong tất cả các nghành

**C.** giảm tỷ trọng ngành nông ,lâm , ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ

**D.** tăng tỷ trọng trong tất cả các nghành

**Câu 19: Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay** không **có đặc điểm**

**A.** tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp hơn mức trung bình chung của thế giới

**B.** tỉ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm

**C.** tỉ lệ tử vong giữ ổn định ở mức tương đối thấp

**D.** mức tăng dân số tương đương với mức tăng dân số trung bình của thế giới

**Câu 20: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là**

**A.** đã qua đào tạo **B.** lao động đơn giản

**C.** tất cả chưa qua đào tạo **D.** lao động trình độ cao

**Câu 21: Hiện nay, chăn nuôi bò sữa nước ta có xu hướng phát triển mạnh ở**

**A.** ven các thành phố lớn **B.** các vùng núi cao

**C.** các cao nguyên badan **D.** các vùng đồng bằng ven biển

**Câu 22: Nước ta trồng nhiều loại cây có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới là do**

**A.** mùa khô kéo dài sâu sắc **B.** khí hậu phân hóa đa dạng

**C.** nguồn nhiệt, ẩm dồi dào **D.** gió mùa hoạt động mạnh

**Câu 23: Năm 2019, Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?**

**A.** 87,3% **B.** 88,3% **C.** 85,3% **D.** 86,3%

**Câu 24: Hai vùng trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất nước ta là**

**A.** đồng bằng sông Hồng, đồng băng ven biển miền Trung

**B.** đồng bằng sông Cửu Long, đồng băng ven biển miền Trung

**C.** đồng bằng Thanh Hóa – Nghệ An, đồng bằng sông Cửu Long

**D.** đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 25: Lĩnh vực dịch vụ nào của nước ta thu hút nhiều công ty nước ngoài đầu tư?**

**A.** Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm **B.** Đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc

**C.** Kinh doanh tài sản, dịch vụ sửa chữa **D.** Quản lí nhà nước, du lịch, giáo dục

**Câu 26: Ý nào sau đây** không **phải là biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta?**

**A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành **B.** Chuyển dịch cơ cấu thành phần

**C.** Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ **D.** Chuyển dịch cơ cấu theo tuổi

**Câu 27: Công cuộc Đổi mới của nước ta bắt đầu diễn ra vào năm nào?**

**A.** 1986 **B.** 1954 **C.** 2000 **D.** 1976

**Câu 28: Sau đổi mới, cơ cấu ngành kinh tế nước ta có sự chuyển dịch theo hướng**

**A.** giảm tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng

**B.** giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp

**C.** khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao và có xu hướng giảm

**D.** tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ

**Câu 29: Nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta phát triển thuận lợi ở**

**A**.các hệ thống sông, suối, ao hồ.

**B**. các vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

**C**. các ngư trường trọng điểm.

**D**. các bãi triều, đầm phá, dải rừng ngập mặn.

**Câu 30: Kết quả của công cuộc Đổi mới đã tác động như thế nào đến nền kinh tế nước ta?**

**A.** Nền kinh tế phát triển chậm, thiếu ổn định, lạm phát gia tăng

**B.** Thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển

**C.** Phụ thuộc chặt chẽ vào nước ngoài, gia tăng lạm phát

**D.** Thu hút đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho người lao động

**-**---------------------------HẾT--------------------------------

***(Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam)***